

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 38,200 VNĐ | | |
| 30/09/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 20.5% | -14.2% | -30.5% |

| | | |
|-----|-------|-------------------|
| | Q3/24 | |
| ROE | -3.7% | +/- YoY ▲ 5.3% |

| | | | |
|----------|--------|-------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| DT thuần | 401 | QoQ ▲ 19.0 ▲ 5.0% | YoY ▲ 180 ▲ 81.6% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|----------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| DT thuần | 1,040 | YoY ▲ 422 ▲ 68.4% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------|--------|--------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN gộp | 17.2 | QoQ ▼ 5.40 ▼ 23.8% | YoY ▲ 7.95 ▲ 86.1% |
| | tỷ VNĐ | | |

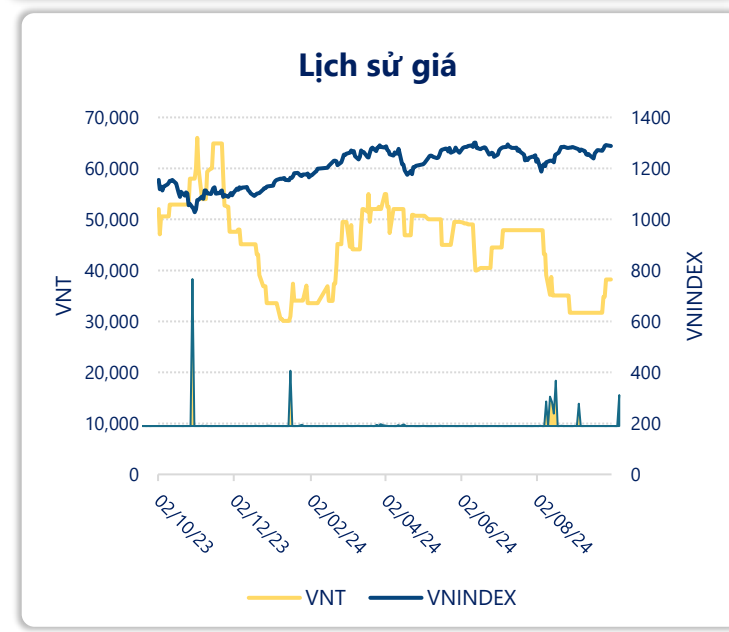
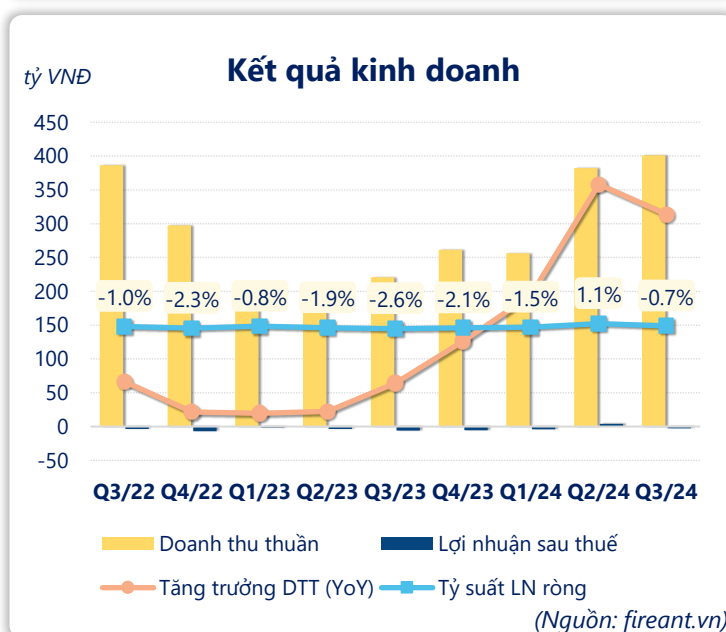
| | | |
|--------|---------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN gộp | 50.8 | YoY ▲ 11.4 ▲ 28.8% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|----------|--------|-------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN thuần | -2.12 | QoQ ▼ 8.43 ▼ 134% | YoY ▲ 3.37 ▲ 61.4% |
| | tỷ VNĐ | | |

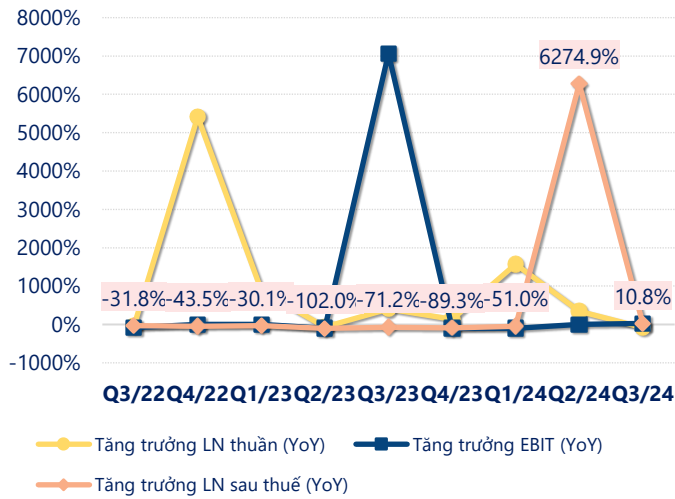
| | | |
|----------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN thuần | 0.51 | YoY ▲ 9.65 ▲ 106% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-------------|--------|-------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN sau thuế | -2.67 | QoQ ▼ 6.76 ▼ 165% | YoY ▲ 3.17 ▲ 54.3% |
| | tỷ VNĐ | | |

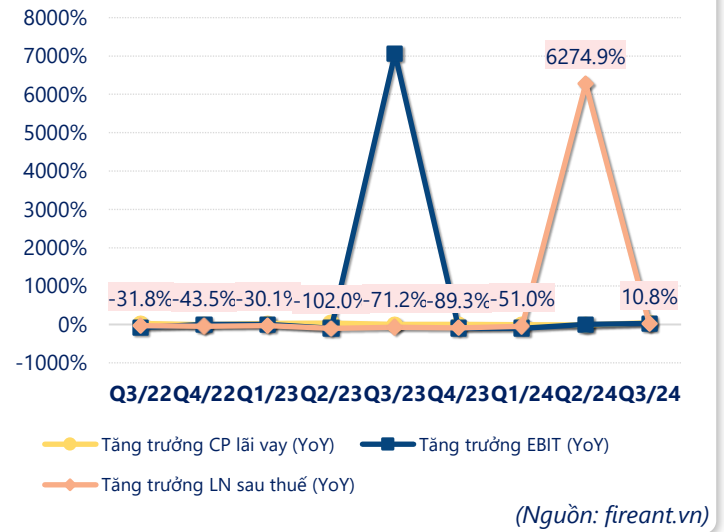
| | | |
|-------------|---------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN sau thuế | -2.52 | YoY ▲ 8.68 ▲ 77.5% |
| | tỷ VNĐ | |



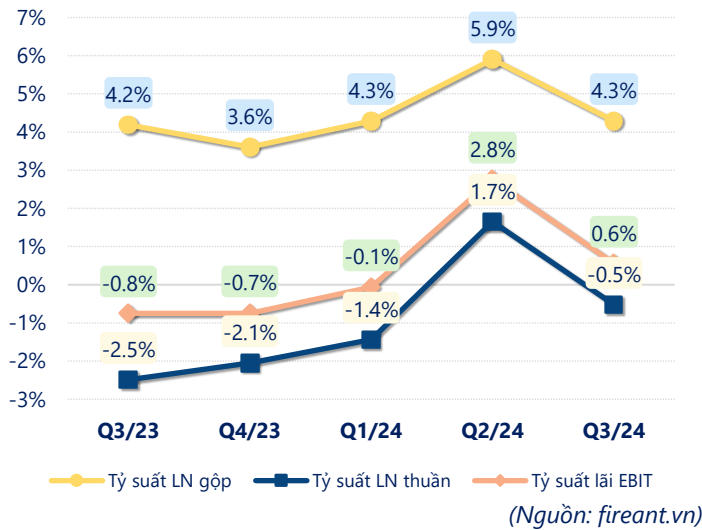
Tăng trưởng lợi nhuận



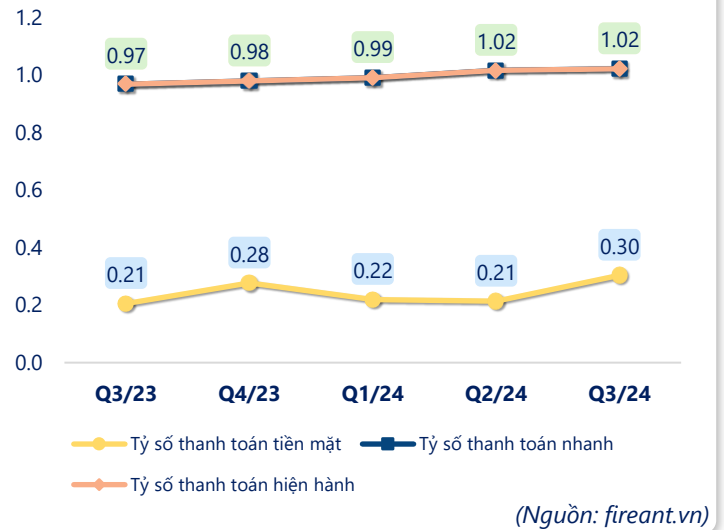
Tăng trưởng chi phí



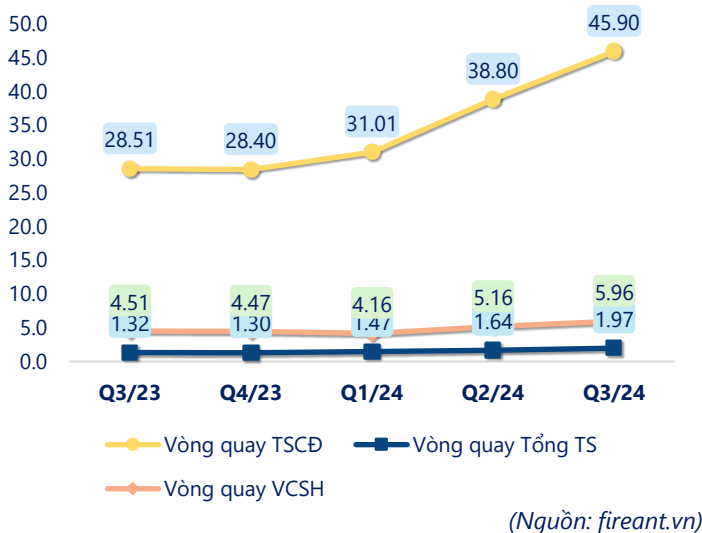
Tỷ suất lợi nhuận



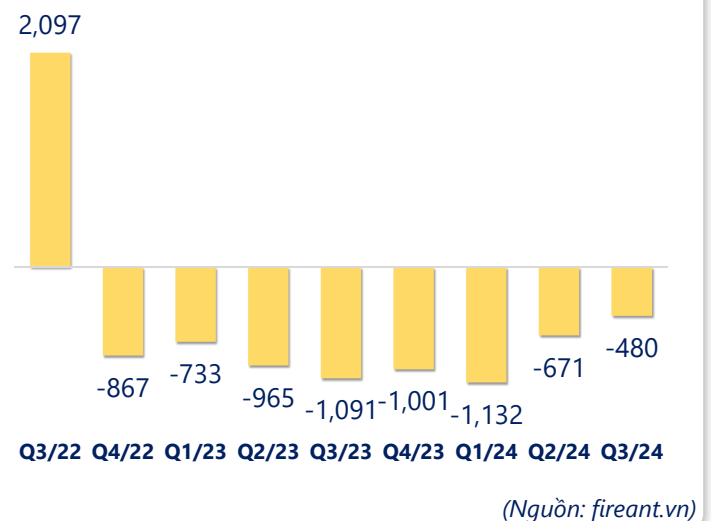
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH

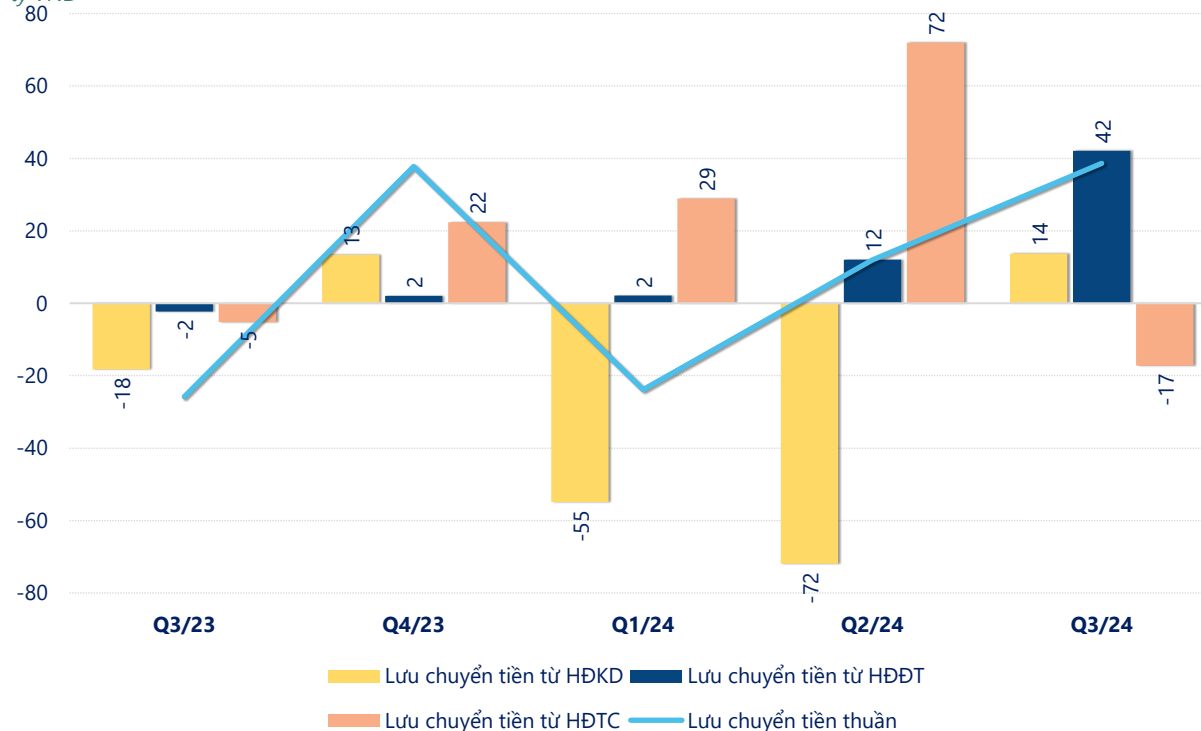
(tỷ VNĐ)

| | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|---------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Doanh thu thuần | 401 | 221 | 81.6% | 1,040 | 618 | 68.4% |
| Giá vốn hàng bán | 384 | 211 | 82.0% | 989 | 578 | 71.1% |
| Lợi nhuận gộp | 17.2 | 9.25 | 86.1% | 50.8 | 39.4 | 28.8% |
| Doanh thu HĐTC | 2.70 | 4.94 | -45.4% | 10.5 | 11.3 | -6.8% |
| Chi phí TC | 8.02 | 5.20 | 54.3% | 15.7 | 13.9 | 12.5% |
| Chi phí lãi vay | 4.43 | 3.76 | 17.8% | 11.2 | 11.3 | -0.9% |
| LN trong công ty LKLD | -4.57 | -8.47 | 46.0% | -19.4 | -22.1 | 12.1% |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí QLDN | 9.43 | 6.01 | 57.0% | 25.7 | 23.8 | 7.9% |
| LN thuần từ HĐKD | -2.12 | -5.49 | 61.4% | 0.51 | -9.14 | 106% |
| Lợi nhuận khác | -0.09 | 0.07 | -222% | 0.87 | 0.18 | 385% |
| LN trước thuế | -2.20 | -5.42 | 59.4% | 1.38 | -8.96 | 115% |
| Lợi nhuận sau thuế | -2.67 | -5.84 | 54.3% | -2.52 | -11.2 | 77.5% |
| LNST của CĐ cty mẹ | -2.67 | -5.84 | 54.3% | -2.52 | -11.2 | 77.5% |

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)